VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4
(Phần Hạ)

Phần 2: Nêu đức Phật Thích-ca rộng nói quyền thật... trong sáu nghĩa thì ở đây không nêu tán thán pháp hy hữu.

1. Khai quyền.
2. Hiển thật.
3. Nêu năm trược, giải thích phương tiện.
4. Chọn lọc bỏ sai, đôn đốc tin một pháp thật.
5. Không hư dối.

1. Khai quyền: "Ta nay cũng lại như vậy", "Ta" tức đức Phật Thích-ca hiện tại, cũng trước nêu ba sau nêu một. Như bốn đức Phật không khác cho nên nói "cũng lại như vậy". "Biết rõ chúng sinh có những điều ưa muốn" tức là căn tánh dục của năm thừa, quá khứ gọi là căn, hiện tại gọi là dục, vị lai gọi là tánh, "thâm tâm mê chấp" tức là căn. "Phương tiện" tức là tùy nghi khai pháp Quyền ba thừa.

2. Hiển thật: "Như vậy, đều vì để chứng đắc một Phật thừa" tức là hiển Thật, "Phật thừa" là Giáo nhất, "nhất thiết" là Hạnh nhất, "chủng trí" sở tri là Lý nhất. Từ "Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà huống có ba" là nghĩa thứ ba: nêu năm trược, giải thích khai Quyền. Sắp nêu năm trược thì trước hết nêu ý kia. Trên đã nói: chư Phật khai Quyền hiển Thật mà chưa nêu là ẩn giấu Thật thi hành Quyền. Pháp kia thanh tịnh vắng lặng nhất như hư không, còn không có kèm theo pháp Quyền hai hoặc ba, huống chi có pháp Quyền riêng ba, hoặc riêng năm. Chỉ vì năm trược chướng nặng, pháp Thật thì không thể thích nghi, mà phải dùng pháp Quyền riêng ba hoặc riêng năm, cũng dùng pháp Quyền kèm theo hai hoặc ba, cho nên nói: "đối với một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba". Phân biệt nói thành ba, hoặc là như kèm theo Nhị thừa, Tam thừa, hoặc là như riêng Tam thừa, riêng Ngũ thừa.

3. Năm trược: có bốn thứ phân biệt:

1. Nêu số.

2. Nêu tên.
3. Thể tướng.
4. Kết giải thích.

Số lượng và tên như văn. "Như thị" là nêu thể tướng. "Kiếp trược" không có thể riêng biệt, "kiếp" là thời gian dài lâu, sát-na là thời gian ngắn, chỉ căn cứ bốn trược lập giả danh này, văn nói "Thời kiếp trược loạn" tức nghĩa đây vậy. "Chúng sinh trược" cũng không có thể riêng biệt, bởi kiến mạn nhiễu loạn, trên quả báo lập giả danh này. Văn nói "chúng sinh cấu trọng", tức nghĩa đây. "Phiền não trược" chỉ năm độn sử làm thể. "Kiến trược" chỉ năm lợi sử làm thể. "Mạng trược" chỉ liên tục giữ gìn sắc tâm làm thể... Tướng, ấy là bốn trược tăng kịch liệt tụ tại ở thời đó, sân nhuế tăng kịch liệt, đao binh khởi, tham dục tăng kịch liệt, đói khát sinh khởi, ngu si tăng lịch liệt, dịch bệnh sinh khởi, tam tai khởi cho nên phiền não tăng gấp bội các kiến chuyển mạnh, sắc tâm thô xấu tệ ác gọi là "uế". Tuổi thọ giảm các trược kết hợp tụ họp, như nước thành lũ, trời tối tăm, gió dữ dội, biển động sóng cao, loài cá độc, rồng dữ quấy nhiễu, những việc như thế xảy ra không lúc nào ngớt. Như kiếp sơ, Quang-âm thiên đọa xuống đất, ở đất nên khiến tâm ham muốn như chúng trời Đao-lợi vào vườn hoa gai góc, ngắm hoa mà sinh tâm đánh nhau gọi là"tướng kiếp trược". "Tướng của phiền não trược" là tham như biển thâu nạp các dòng mà chưa từng no đủ, sân như rắn hổ phun độc nhiễu các thế gian, si ám như bướng bỉnh ương ngạnh tối tăm hơn cả mực; mạn cao ngạo hạ thấp người, khinh bỉ lăng mạ vô độ, lưới nghi ngờ chằng chịt không tin không thể bảo thật được; đó gọi là tướng phiền não trược. "Tướng Kiến trược": không người mà cho là có người, có đạo mà cho là không có đạo, mười sáu tri kiến, sáu mươi hai kiến chấp... cũng như lưới giăng, như rừng mây, trói buộc quanh co không thể ra khỏi được, đó gọi là "tướng kiến trược". "Tướng Chúng sinh trược": là ôm lấy sắc tâm lập một chủ tể, ví như nhựa keo không có vật gì là không dính, trôi dạt trong sáu đường thọ sinh khắp mọi nơi, như nghèo như yểu, hoặc gọi là giàu là thọ, đó gọi là tướng chúng sinh trược. "Tướng mạng trược" là sớm sinh chiều mất sáng hiện tối ẩn, như sóng chuyển khói bay xa chỉ trong nháy mắt liền dứt không trụ lâu dài, đó là tướng mạng trược.

Tướng của trược rất nhiều, không thể nói đủ. Nếu nói theo thứ tự, thì Phiền não và Kiến trược là căn bản. Từ hai trược này mà thành Chúng sinh trược. Từ chúng sinh có liên tục giữ gìn mạng, là Mạng trược. Bốn trược này trải qua thời gian, gọi là Kiếp trược.

Sau đây là phần Giải thích.

Hỏi: Năm trược nếu là chướng ngại lớn, thì trong thời Hoa Nghiêm người chưa trừ trược, làm sao có thể nghe pháp?

Đáp: Nên dùng bốn câu này để phân biệt:

1. Đại thừa lợi căn chướng nặng, do lợi căn cho nên chướng nặng không thể gây chướng, đây là những người ở cõi này, trong hội hoa Nghiêm ban đầu nghe Đại thừa.

2. Lợi căn chướng nhẹ.

3. Độn căn chướng nhẹ, đến cõi Tịnh độ phương khác nghe Đại thừa.

4. Căn độn chướng nặng, như ở cõi này những người đồng với Thân-tử trừ trược rồi mới nghe Đại thừa.

Hỏi: Năm trược có chướng Tiểu thừa không?

Đáp: Đây căn cứ Tiểu thừa, nên dùng bốn câu để phân biệt:

1. Tiểu thừa căn lợi chướng ngăn nhẹ không thể chướng là Thân-tử vậy.

2. Lợi căn chướng ngăn nặng cũng không thể chướng, như ngài Ương-quật vậy.

3. Căn độn chướng ngăn nhẹ cũng không bị chướng, là Bàn-đặc.

4. Căn độn chướng ngăn nặng, đây thì thành chướng không nghe Tiểu thừa không được độ.

Hỏi: Tự có người không ở thời Hoa Nghiêm không ở thời Tam Tạng mà được nghe Đại thừa Tiểu thừa, là vì sao?

Đáp: Đây căn cứ bốn giáo, trong mỗi một giáo dùng bốn môn phân biệt:

1. Người căn lợi ngăn cản nhẹ, nghe pháp môn "phi không phi hữu" mà nhập.

2. Căn lợi ngăn nặng, nghe pháp môn "cũng không cũng hữu" mà nhập.

3. Căn độn ngăn nhẹ, nghe pháp môn "không" mà nhập.

4. Căn độn ngăn nặng, nghe pháp môn "hữu" mà nhập. Hai giáo bốn môn căn cứ Tiểu thừa phân biệt, Hai giáo bốn môn căn cứ Đại thừa phân biệt, về chi tiết suy nghĩ có thể tự hiểu v.v...

Hỏi: Cùng là năm trược cớ sao chướng Đại thừa mà không chướng Tiểu thừa?

Đáp: Chúng sinh trược nặng, vọng chấp năm ấm làm bốn đức, nếu nghe "Thường, Ngã" thì chấp trái là phải. Như ông thầy thuốc cũ, không biết tính năng tốt, xấu của sữa, không biết căn nguyên khởi bệnh,

không biết bệnh nào thì nên uống, bệnh nào thì nên kiêng sữa, không chút hiểu biết nên năm trược chướng Đại. Văn nói: "Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh bị chìm đắm trong khổ" tức nghĩa đây vậy. "Nếu nghe "vô thường, khổ, không" thì nhàm chán sinh tử ưa thích Niết bàn", tức phá tà chấp kia. Năm trược không chướng Tiểu. Văn nói: "Khi ta nghĩ như thế chư Phật khắp mười phương đều hiện phạm âm an ủi ta", tức nghĩa đây vậy.

Xét ngũ trược theo tứ Tất-đàn: Kiếp, Mạng trược là Thế giới Tất- đàn. Chúng sinh, Kiến trược là Vị nhơn Tất-đàn, Phiền não là Đối trị Tất-đàn. Dùng ba Tất-đàn trừ năm trược kia, rồi sau mới thuyết Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Nếu xét về Nhân quả của năm trược, thì có hai nhân ba quả. Có một là người và bốn là pháp. Có bốn pháp và một thời. Có hai báo chướng, hai phiền não chướng và Nghiệp chướng trong đó. Chúng sinh là nhân thành giả, Mạng là tương tục giả, đối đãi nhau giả, có thể biết. Chúng sinh là Thọ giả, bốn trược kia là Pháp giả, Danh giả chung cả hai nơi. Phiền não, Kiến ở phàm phu, ba trược còn lại chung cả phàm Thánh. Mạng ngắn, Kiếp dài, ba trược còn lại chung cả ngắn dài. Kiếp chỉ là thời, Mạng thì theo pháp mà luận về thời. Kiếp thì chung trong ngoài, Mạng chỉ ở bên trong. Ba tiểu hại người không hại vật, ba đại hại vật không hại người. Tiểu kiếp chỉ tại người, đại kiếp chung Sắc giới. Mạng thì thông năm đường ba cõi. Kiếp là cùng trược, bốn thứ kia mỗi mỗi đều trược. Tiểu kiếp là kiếp trược, đại kiếp thì chung trược và bất trược. Từ tám vạn tuổi đến mười tuổi là tiểu kiếp, tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp.

Hỏi: Đã nói năm trược vậy năm thanh thế nào?

Đáp: Chuẩn theo Tam độc tà chánh, Tà là năm trược chánh là năm thanh. Các cõi tịnh độ ở phương khác không có tà là ba độc thì năm trược chướng nhẹ, nghĩa đây có thể biết...

4. Phân biệt bỏ pháp giả (Quyền) đôn đốc tu pháp Thật: Từ "Nếu đệ tử ta tự cho mình" trở xuống. Nếu là đệ tử Phật thì tự có thể tin hiểu, nếu không tin hiểu thì không phải đệ tử chân thật cũng không phải La-hán, tức đôn đốc khiến chúng tin nhận hiểu. Văn chia làm hai:

1. Phân biệt chân, ngụy.
2. Khai trừ giải thích nghi.

Phân biệt có hai ý: Một là, nếu không nghe không biết thì chẳng phải chân thật đệ tử. Hai là, nghe mà không tin thọ thì thành tăng thượng mạn. Ý thứ nhất: Như đệ tử ở đời tùy thuận theo pháp của thầy mà tiếp nối truyền pháp cho hậu thế. Nếu không nghe không biết thì không có

pháp gì để tùy thuận, sao gọi là đệ tử? Xưa, các đức Như Lai thuyết năm trược khai ba thừa, các ông tùy thuận mà đắc Niết-bàn, vì được nghe được biết nên gọi là đệ tử. Nay năm trược đã trừ, ta sẽ vì ông mà thuyết Nhất thừa. "Không nghe không biết" là ý gì? "Không nghe" tức không nghe Giáo nhất, "không biết" tức không biết Hành nhất, "chẳng phải chân thật" tức chẳng phải Lý nhất, "chẳng phải đệ tử" tức chẳng phải Nhân nhất. Từ "Lại nữa, Xá-lợi-phất" trở xuống là ý thứ hai: Nêu không tin thì thành tăng thượng mạn. Đây là đôn đốc khiến cho họ tin, vì sao ông tự cho là thân sau cùng đắc Niết-bàn? Thân còn vô lượng, thật ra không phải thân sau cùng,mà các ông tự cho là cứu cánh. Thật ra còn hơn hai trăm do tuần không phải rốt ráo, "chưa đắc mà cho là đắc" há chẳng phải là tăng thượng mạn sao? La-hán chân thực thì đã trừ bỏ các trược, căn lợi, biết không phải là rốt ráo, tin chân thật là pháp ấy chưa phải là thân sau cùng nên không khởi thượng mạn. Biết cái chẳng phải rốt ráo, tin nơi rốt ráo tức tin Lý nhất. Không tăng thượng mạn tức thành Hạnh nhất. Tin ở giáo tức là Giáo nhất, là đệ tử Phật tức Nhân nhất.

Từ "Trừ sau khi Phật diệt độ" trở xuống là phần Khai trừ giải thích nghi. Trước là khai trừ,"Trừ sau khi Phật diệt độ" không thành tăng thượng mạn. Tiếp theo, từ "Vì sao? Sau khi Phật diệt độ" trở xuống, là nêu người ưa thích tu hành kinh này, tuy khó hiểu sâu kinh, khó thâm nhập, cũng không thành tăng thượng mạn. Nếu đức Phật tại thế (ở đời) chính thuyết kinh này, người không tin không thọ thì chẳng phải La-hán chân thật mà thành tăng thượng mạn. Nếu sau khi Phật diệt độ mới đắc La-hán là thiên chấp quyền kinh, không tin viên pháp, nghe tùy thuận thì chẳng phải tăng thượng mạn. Lại nữa, nếu đức Phật tuy nhập diệt mà kinh này còn tồn tại, thì người không tin không thọ nên gọi là thượng mạn chăng? Tức được khai trừ. Sau khi Phật diệt độ tuy có kinh này mà có người hiểu nghĩa kinh, thì người này khó gặp, đến khiến La-hán không tin không hiểu, cũng nghe theo, thì không phải tăng thượng mạn. Tiếp đến là giải thích nghi: Nếu sau khi đức Phật diệt độ, đối với kinh này người đọc tụng hiểu nghĩa, thì rất khó gặp, nhưng nếu người đắc La-hán thì vĩnh viễn nhập Niết-bàn ư? Tức giải thích: Người ấy tuy sinh tưởng diệt độ, nhưng sau khi xả thân mạng rồi thì sinh ở nước Hữu dư thuộc giới ngoại, được gặp Phật khác, được nghe kinh này liền nhất định hiểu rõ. Thích luận quyển chín mươi ba phẩm Tất Định nói: "La-hán thọ thân đời trước, thân ắt nên diệt, trụ ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo? Đáp: La-hán thì lậu trong ba cõi nhân duyên đã diệt tận không còn sinh trở lại

ba cõi, vượt ngoài ba cõi có cõi Phật thanh tịnh không có danh từ phiền não, ở cõi nước ấy nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa đầy đủ Phật đạo". Tức dẫn kinh Pháp Hoa rằng: "có La-hán nếu không nghe Pháp Hoa mà tự cho được diệt độ, thì ta ở cõi nước khác vì họ mà thuyết việc này: ông đều làm Phật". Luận ấy đã dẫn kinh làm chứng. Nay giải thích kinh, trở lại dùng luận giải. Ngài Nam Nhạc nói:"Đức Phật khác là tứ y, La-hán gặp đó, nghe kinh liền quyết liễu. Lại, La-hán tu định niệm Phật thấy được mười phương chư Phật, chư Phật vì họ thuyết kinh này, họ liền đắc ngộ. Lại nữa, người phàm phu tu hành, khổ đến sám hối thấy được mười phương Phật, vì họ thuyết cũng được quyết liễu". Sư Dao nói: Thật La-hán ắt tự biết được Pháp Hoa chí cầu Đại thừa. Hàng lợi căn thì tự biết, hàng trung căn hạ căn thì cần phải nghe mới biết, cho nên nói "nghe biết", lẽ nào sau khi Phật diệt độ không nghe kinh Pháp Hoa, hoặc là nghe mà không tin, gặp đức Phật khác mới hiểu ư? Đời mạt pháp phàm phu mà còn có thể tin, huống chi là thánh nhân! "Trừ sau khi Phật diệt độ" là chỉ phàm phu. Có người nói: Phàm phu chưa chứng pháp tướng, sự thấy biết không sáng suốt, chấp tâm không kiên cố, do đó dễ tin, La-hán chứng pháp tướng, sự thấy biết rõ ràng, chấp tâm kiên cố, bỗng nghe thuyết khác thì chưa tiện tín thọ, cho nên nói không tin, nghĩa ấy là tất nhiên. Cho nên Thân-tử nói: "E chẳng phải ma giả Phật làm não loạn tâm ta ư!". Nếu theo nghĩa đây, thì chỉ La-hán không phải chỉ phàm phu... Đây thẳng giải nghĩa khác, không dùng nghĩa đây.

5. Không hư vọng: Từ "Xá-lợi-phất" trở xuống, ngăn chặn vật phỉ báng tâm. Đây gồm ba ý. Ban đầu khuyến tin đức Thích-ca thuyết Thật cho nên nói: "Các ông phải nhất tâm tin hiểu lời Phật dạy". Tiếp đến là khuyến tin chư Phật. cho nên, nói: "chư Phật nói không hư vọng",chư Phật đạo đồng càng thêm tin thọ. Sau cùng là kết thành không hư dối, cho nên nói "không có thừa nào khác chỉ có một Phật thừa thôi".

II. Kệ tụng có một trăm hai mươi mốt hàng phân làm hai phần:

1. Có bốn hàng và một câu tụng hứa đáp bên trên.

2. Có một trăm mười sáu hàng và ba câu tụng phần chánh đáp bên trên.

1. Hứa đáp trên có ba nghĩa: thuận, giới và giản. Nay không tụng thuận, chỉ tụng giản và giới (chọn răn dạy). Phần chọn chúng lại chia làm hai: Ba hàng rưỡi đầu, tụng bên trên nói năm ngàn người thoái lui. Hai câu tiếp, là tụng bên trên nói chúng đã thanh tịnh. Tiếp một câu,

tụng bảo (giới) lắng nghe. Thượng mạn ngã mạn không tin bốn chúng chung có, chỉ có hai chúng xuất gia, phần nhiều tu đạo đắc thiền, lầm cho là thánh quả, lại khởi tăng thượng mạn; tại thế gian thì kiêu căng cao ngạo phần nhiều khởi ngã mạn, người nữ trí tuệ nông cạn phần nhiều sinh tà kiến kỳ quặc không tự thấy lỗi mình. Ba điều lỗi này che tâm giấu cái sáng đẹp của ngọc, nêu cao đức của mình mà không tự tỉnh được, đó là người không biết tàm. Nếu tự thấy lỗi, thì là Tăng biết thẹn. "Nơi giới có thiếu sót", luật nghi có lầm lỗi gọi là "khuyết", định cộng đạo cùng có lỗi gọi là "lậu", không có đạo định... cho nên trong khởi ác giác như ngọc có ẩn chứa tỳ vết, không có luật nghi cho nên bên ngoài động thân khẩu như ngọc lộ tỳ vết, che giấu tội tự đắc cho nên gọi là "tiếc giữ tội quấy của mình". "Trí nhỏ" là không được trí học, vô học mà có trí nhỏ của thế gian, vọng coi hữu lậu là vô lậu. tiểu trong tiểu cho nên nói "tiểu trí". "Tao khang (tấm cám)", không có vô lậu thiền định thấm nhuần, cho nên như "tấm (tao)"; không có tuệ lý cho nên như cám (khang). Năm ngàn người này có thiền thế gian, coi như "tấm",có hiểu văn tự, coi như "cám", giỏi văn mà mất nghĩa lý ví như vỏ trấu không có gạo. Lại, "tấm cám" là thí dụ cho hạng người không có đại cơ. "Cành lá" là dụ cho không phải khí cụ tốt, hết thảy đều không thể dùng cho nên cần phải khiến đi. "Xá-lợi-phất! Khéo nghe" tức tụng phần giới hứa bên trên và khuyên khiến lắng nghe.

2. Từ " Pháp của chư Phật đặng" trở xuống có một trăm mười sáu hàng và ba câu, tụng phần chánh đáp bên trên, lại chia làm hai:

1. Từ "Chư Phật sở đắc pháp" trở xuống bảy mươi ba hàng và một câu tụng pháp môn của bốn đức Phật.

2. Từ "Nay ta cũng như vậy" trở xuống, bốn mươi ba hàng rưỡi tụng pháp môn của đức Phật Thích-ca.

Phần một lại chia làm bốn phần. Một là: từ "Chư Phật sở đắc pháp" trở xuống, có ba mươi bốn hàng và ba câu, tụng pháp môn của chư Phật; Hai là: từ "Quá khứ vô số kiếp " có hai mươi bảy hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật quá khứ; Ba là: từ "Chư Phật đời vị lai " có sáu hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật vị lai; Bốn là: từ "Thiên nhân đều cúng dường" có bốn hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật ở hiện tại.

Nay căn cứ ba mươi bốn hàng ba câu tụng pháp môn chư Phật, cùng văn trường hàng có ba điều sai khác:

1. Kia đây những cái "không có..." xen nhau.
2. Trước sau thay nhau xuất hiện.
3. Khai hợp không đồng.

Trên có tán pháp hy hữu mà không có năm trược, tụng có năm trược mà không có tán pháp. Trên thì trước tán pháp, tiếp đến nêu rõ không hư vọng, khai quyền hiển thật. Nay tụng thì trước là khai quyền hiển thật, sau mới nêu rõ không hư vọng. Trên thì khuyên tin cùng không hư vọng hợp thuyết, nay thì phân chia khuyến tin tách ra với nói không hư vọng. Có ý riêng cho rằng: Trên là đức Thích-ca dùng phương tiện giải thích thành pháp Quyền của chư Phật, trong kệ dùng pháp Thật của Phật Thích-ca, giải thích thành hiển Nhất thừa của chư Phật, tức thành bốn điều khác.

Ba mươi bốn hàng và ba câu tụng này chia làm năm phần:

1. Từ "Chư Phật sở đắc pháp" xuống năm hàng ba câu, tụng chư Phật thiết lập Quyền.

2. Từ "Ta bày phương tiện đó" xuống mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật.

3. Từ "Nếu người tin quy Phật" xuống bốn hàng rưỡi, tụng chư Phật khuyến tin.

4. Từ "Nếu ta gặp chúng sinh "xuống chín hàng rưỡi, là phần tụng riêng về năm trược.

5. Từ "Ta có sức phương tiện" xuống hai hàng, là tụng về không hư vọng ở trên.

Phần một giải thích khai Quyền, văn chia làm hai phần: Một, gồm bốn hàng và một câu, chính thiết lập pháp Quyền. Hai, gồm một hàng rưỡi, tụng kết ý lập pháp Quyền. Đây là phần đầu "Chư Phật sở đắc pháp" là tu đạo đắc các pháp Quyền ."Vô lượng sức phương tiện" trở xuống là tụng bên trên nói: "vô số phương tiện các thứ nhân duyên diễn thuyết các pháp". "Tâm của chúng sinh nghĩ" là tụng bên trên nói "tùy nghi thuyết pháp". Trong tụng rộng nêu ra tướng tùy nghi tức là chiếu soi căn cơ chúng sinh trong chín pháp giới, thuyết bảy phương tiện. Tổng nói chín, bảy không xét cụ thể cho nên nói "bao nhiêu". Tùy theo "dục" mà ứng dụng Thế giới Tất-đàn. Tùy theo "tánh" mà ứng dụng Vị nhân Tất-đàn. Tùy theo "ác nghiệp" mà ứng dụng Đối trị Tất-đàn. Hiện khởi hy vọng, gọi là "niệm". Pháp môn không đồng, gọi là "các thứ". Quá khứ huân tập gọi là "tánh". Hiện tại ưa thích, gọi là "dục". Hoặc là có thể huân tập dục thành tánh , thành tánh sinh dục theo thói quen... "Nghiệp thiện ác" là bảy phương tiện truyền truyền làm thiện ác... Đức Phật dùng quyền trí chiếu soi các phương tiện tánh dục, rồi mới dùng các nhân duyên thí dụ tùy nơi thích nghi mà thuyết chín bộ kinh, mười hai bộ như trong Huyền Nghĩa nói.

Từ "Độn căn ưa pháp nhỏ", trở xuống, gồm một hàng rưỡi, là phần hai, tụng kết ý lập pháp Quyền.

Đời trước căn độn đời nay không có cơ hội, không có khả năng nghe Đại thừa, cho nên nói "Chẳng tu đạo sâu mầu". Đời trước tham đắm chướng nặng, đời nay các khổ bức bách, chỉ có thể nghe pháp Tiểu thừa cho nên nói "Vì đó thuyết Niết-bàn".

Phần hai: từ "Ta bày phương tiện đó" trở xuống, gồm mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Ba hàng đầu tụng Lý nhất "Khiến được nhập Phật tuệ", là tụng phần bên trên nói: "vì một đại sự nhân duyên". "Quyết định nói Đại thừa", là tổng tụng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. "Nhập Đại thừa làm gốc", là tụng phần bên trên nói "nhập tri kiến Phật".

2. Từ "Có Phật tử tâm tịnh" trở xuống, bốn hàng rưỡi tụng phần bên trên nói: "chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát" để nêu rõ Nhân nhất, trên thì nói chỉ giáo hóa Bồ-tát, trong tụng thì nói rộng, nêu các người phương tiện đều thành người thật. "Có Phật tử tâm tịnh" tức là người của Biệt giáo; "Vì hàng Phật tử này, thuyết kinh Đại thừa đây" đắc ký tâm hoan hỷ, tức là thành người chân thật của Viên giáo, "Thanh văn hoặc Bồ-tát" là Thanh văn bao gồm cả Duyên giác, như Bồ-tát gồm đắc lục độ, các Bồ-tát Thông giáo v.v... "Đều thành Phật không nghi", bảy phương tiện đều là đệ tử Phật, tức là tụng Nhân nhất nói bên trên.

3. Từ "Trong mười phương cõi Phật" trở xuống, gồm một hàng và ba câu, tụng trên nói "Như Lai chỉ dùng một Phật thừa vì chúng sinh thuyết pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác". Hoặc mười phương Phật chỉ nói một pháp tức là Giáo nhất, "Chỉ dùng danh tự giả, Dẫn dắt các chúng sinh" tức phương tiện giáo. Tạm nói ra ba giáo để hiển bày Phật tuệ nhất giáo. Kinh phân rõ: "Không có thừa nào khác", là không có Viên trong Biệt giáo, không có thừa khác nhập Biệt. "Không hai" là không có hai thừa Bán Mãn đối đãi nhau trong Thông giáo, "không ba" là không có ba thừa trong Tam tạng giáo. Hai thừa, ba thừa như thế là danh tự giả, để dẫn dắt các chúng sinh. Nay chỉ có một Phật thừa Viên giáo.

4. Từ "Chư Phật ra nơi đời, chỉ một sự này thật"... trở xuống, có ba hàng ba câu, tụng phần bên trên nói "những điều làm ra thường vì một việc", là văn Hạnh nhất. "Sự" tức là hạnh. "Trọn không dùng Tiểu thừa, Mà tế độ chúng sinh" tức tụng ý trên: "thường vì một đại sự", "Phật tự trụ Đại thừa, Dùng đây độ chúng sinh" là tụng trên nói "chỉ dùng tri kiến Phật thị cho chúng sinh ngộ". Một hàng sau giải thích ý

không dùng Tiểu thừa để độ chúng sinh.

Phần ba: từ "Nếu người tin về Phật" trở xuống, gồm bốn hàng rưỡi tụng bên trên: Chư Phật khuyên tin. Trên nói "Các ông phải tin lời Phật dạy". Văn chia làm hai phần:

Một: Hai hàng rưỡi đầu, nêu quả khuyên tin. Hai: từ "Xá-lợi-phất! Nên biết" trở xuống hai hàng, nêu nhân khuyên tin. Trong phần nêu quả, một hàng rưỡi đầu nêu nội tâm: "Nếu người tin về Phật, Như Lai không dối gạt" là nêu Phật tâm thanh tịnh, vô minh xan tham cấu uế các ác đã đoạn, trong tâm thanh tịnh thuyết, cho nên có thể tin. "Ta dùng tướng trang nghiêm" xuống một hàng là nêu rõ ngoại sắc của Phật: thân tướng sáng ngời, quang sắc đoan nghiêm, trong không có tối tăm mê-hoặc; ngoài có hào quang sáng chói, nói không dối gạt được chúng tôn trọng, thuyết Đại thừa ấn thì có thể tin thọ. Từ "Xá-lợi-phất! Nên biết, Ta vốn lập thệ nguyện" trở xuống, hai hàng nêu Nhân khuyên tin, cũng chia làm hai: Một hàng đầu "Ta vốn lập thệ nguyện " nêu thệ xưa của Phật. Một hàng sau: "Như ta xưa đã nguyện" nêu nguyện đã mãn, thệ nguyện của ta xưa chẳng những thệ tự chứng Bồ-đề mà còn thệ cho chúng sinh đồng nhập Phật tuệ, nay đáp lại lời thệ cho nên nói thì cũng có thể tin. Nay Bồ-đề đã mãn, chúng sinh cũng nhập, ông đã tự chứng Phật tuệ và cũng chứng nghiệm lời thề của ta không hư dối, kết thành nêu nhân khuyến tín.

Hỏi: Bản thệ đã khắp nay chúng sinh còn nhiều, nguyện tại sao mãn?

Đáp: Ba đời chư Phật lợi ích chúng sinh, nay nêu hiện tại luận về nguyện mãn.

Phần bốn: từ "Nếu ta gặp chúng sinh" trở xuống gồm chín hàng rưỡi, nêu năm trược, trên thì nói rõ năm trược ở sau khi nêu Thích-ca, nay ở tụng văn sau khi tổng nêu các đức Phật, trong môn Thích-ca lại nêu ra, đây nêu chư Phật đồng xuất hiện ở đời năm trược, đều trước ba sau một, văn đây chia làm bốn phần:

Phần một: một hàng đầu tổng nêu năm trược chướng Đại thừa. Phần hai: sáu hàng tiếp, nêu chi tiết năm trược chướng Tam thừa. Phần ba: một hàng tiếp, nêu vì năm trược cho nên Phật phương tiện thuyết Tiểu thừa. Phần bốn: một hàng rưỡi cuối, nêu rõ vì Đại thừa nên thuyết Tiểu thừa, dùng Tiểu thừa trị ngũ trược đại nguyện hưng thịnh.

"Nếu ta gặp chúng sinh" Trung A-hàm quyển mười hai nói: "Kiếp sơ Quang-Âm thiên sinh xuống thế gian, không có nam nữ tôn ty họ hàng; chúng cùng sinh sống ở thế gian, cho nên nói "chúng sinh". Đây

là căn cứ ban đầu. Nếu tập hợp các ấm mà có, giả danh chúng sinh, thì đây là căn cứ một kỳ hạn thọ báo. Nếu nói khắp nơi thọ sinh cho nên gọi chúng sinh, thì đây là căn cứ nghiệp lực mà lưu chuyển trong năm đường". Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Mười thứ chúng sinh, nghĩa là dài, ngắn, vuông, tròn, ba góc, xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Vì sao chúng sinh sinh tử lâu dài? Khi ở địa ngục thì thân thọ khổ bất khả tư nghì, tâm niệm vô lượng vô biên ác. Khi làm súc sinh thì thân đắp đổi tướng ăn nuốt, tâm đắp đổi tướng bức não. Khi làm ngạ quỉ thì thân như núi lửa, tâm tợ chảo dầu sôi, tà kiến rực cháy đụng chạm sân si hung dữ. Khi làm loài người thì thân khẩu ý thường làm việc không lợi ích để tự lao khổ, thân khẩu ý thường nghĩ nhớ việc không lợi ích để tự trói buộc. Khi ở cõi trời thì say đắm lục trần buông lung đùa giỡn, không nghe chánh pháp, làm bế tắc nguồn phước. Đó gọi là chúng sinh sinh tử lâu dài.

Vì sao chúng sinh sinh tử ngắn? Khi ở địa ngục thì năng nhất niệm tịch tĩnh tâm, giữ giới. Khi làm súc sinh, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, nương tam bảo. Khi làm ngạ quỷ, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, tịnh các căn. Khi làm người, thì năng tu lục độ, hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính tam bảo, lấy điều thiện để trang nghiêm thân khẩu ý. Khi ở cõi trời, thì xả bỏ sự vui của cõi trời, giữ giới, ưa thiền định, giáo hóa đọc tụng Kinh pháp, phạm hạnh, ít nói năng. Đó gọi là chúng sinh sinh tử ngắn.

Vì sao chúng sinh sinh tử vuông (phương)? Như cõi Uất-đơn-việt đối với tất cả vạn vật không có ngã sở, sau khi xả thân ắt lên cõi trời, từ trời lại lên trời cao hơn chỉ hướng lên đến chỗ thiện, đó gọi là chúng sinh sinh tử góc vuông (phương lăng).

Vì sao chúng sinh sinh tử tròn? Chỉ ở trong tam đồ tứ thú xoay vòng biến chuyển như đốt vòng lửa. Vì sao chúng sinh sinh tử ba góc? Nghĩa là thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, vô ký.

Vì sao chúng sinh sinh tử màu xanh? Là do thường vào trong địa ngục tối tăm nên thường sợ hãi. Vì sao chúng sinh sinh tử màu vàng? Vì ở trong ngạ quỉ, đói gầy yếu nên vàng. Vì sao chúng sinh sinh tử màu đỏ? Vì loài súc sinh đắp đổi tướng ăn uống máu huyết nên như vậy. Vì sao chúng sinh sinh tử màu trắng? Nghĩa là ở trong loài người, trời lấy bạch nghiệp làm nghiệp thiện, như chư thiên khi sắp chết thì các trời khác nói rằng: "ông sinh trong nhơn đạo đi!" Nếu là người khi sắp chết, thì người tri thức nói rằng "ông hướng lên cõi trời đi!" Nên biết hai chốn này là bạch sinh tử.

Lại đệ Ngũ nói: "Tâm vẽ màu đen Địa ngục, màu chim câu Quỷ đói, màu vàng Súc sinh, màu đỏ Người và màu trắng Trời". Nghĩa này

thế nào?

Đáp: Trên nói quả báo năm đường, nay nói năm đường tạo nghiệp cho nên không đồng... Các chúng sinh như thế nếu cùng Phật tương ngộ, chúng sinh tự lấy khổ não nung nấu, chư Phật dùng đại bi cứu giúp chúng sinh, thì bi và khổ đối đãi nhau cho nên nói tương ngộ. Lại, Phật như chúng sinh như. Một như, không có hai như. Thiên tánh tương quan, cho nên nói tương ngộ. Luận rằng đại bi hằng thương xót chúng sinh, nếu dùng Nhân, Thiên thừa dạy thì Ngã rơi vào tối tăm mê hoặc. Chỉ tránh khỏi sinh tử xanh, vàng, đỏ, tía, vuông, tròn, ba góc mà không phải giáo Phật đạo. Nếu gặp chúng sinh khiến tu tiểu thừa, thì Ngã đoạ vào xan tham. Việc này thì không thể thoát khỏi hai mươi lăm cõi. Nếu gặp chúng sinh dạy khiến họ theo Thông Biệt giáo Ngã rơi vào thiên lệch mất tri kiến Phật. Nay đều khiến cho chúng sinh đắc thật tướng diệu tuệ, thể đạt tất cả đều là Phật pháp, đều là chánh đạo. Đây tức "Dùng Phật đạo dạy tận". Khổ sinh tử vĩnh viễn hết. Ta thường nói như vậy, chỉ vì chúng sinh căn độn tội nặng nên không thể như nguyện. Đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Trụ Vô Trụ phát nguyện mong muốn cho chúng sinh nước mình đồng ngày đồng giờ thành Phật tức là ngày diệt độ. Lại, trước Hiền kiếp có Đức Phật hiệu là Bình Đẳng cũng nguyện nước mình và chúng sinh trong mười phương cũng đồng một ngày thành Phật tức ngày diệt độ. Ngày nay có Phật lại có chúng sinh là vì sao ư? Phật dạy thôi thôi, ta trước đã nói chỉ đắc thân người thôi? Có thể có phát nguyện muốn chúng sinh trong năm đường đồng ngày thành Phật không? Phật dạy không thể dùng thân chẳng phải pháp khí mà thành vô thượng đạo, chủ yếu trước phải hóa độ chúng sinh trong ba đường đắc nhân thiên, rồi sau mới có thể ý như nguyện. Ba đường chẳng phải thiện đạo thì sao có khả năng thành Phật, như người cầu bảo vật mà không ở giữa trời cầu xin.

"Ta biết chúng sinh đó" tiếp xuống sáu hàng, nêu chi tiết năm trược, chia làm năm phần:

1. Hai hàng, nêu Chúng sinh trược. "Cội lành" là chân như thật tướng, không nương theo đây mà gieo trồng thiện căn nên không cảm đại. "Chấp chặt nơi ngũ dục" tức là gốc của mọi ác, từ si mà có ái thì bệnh Ngã sinh.

2. Từ "Thân mọn thọ bào thai" một hàng, riêng nêu Mạng trược. Quán tâm giải thích: Một niệm tâm khởi tức vì đời vị lai tạo nghiệp. Nghiệp tức thai. Thai nghiệp không cùng tận, đời đời nối tiếp không dứt, không dứt tức là tăng trưởng. Hình mọn thọ thai, hình tức là năm

ấm, ấm gọi là thế (đời). Thọ mạng liên tục duy trì các ấm nhập thế, ban đầu từ váng sữa rồi đến già chết, gọi là đời đời tăng trưởng đó là mạng trược. Kinh Thọ Ấm Thân nói: Phàm phu thọ thân bảy ngày đầu chưa đổi khác, hai tuần lễ mới có tướng sinh như váng sữa, ba tuần như sữa đặc, bốn tuần như bơ đông đặc, năm tuần như ngói nung, sáu tuần như cục thịt tròn, bảy tuần cục thịt ấy sinh ra ngũ bào, đầu, hai tay hai chân, tám tuần lại ngũ bào ấy sinh một đầu hai cổ tay, hai bắp tay, chín tuần liên tục sinh hai mươi bốn bào: bốn là tai mắt mũi lưỡi, hai mươi là hai mươi ngón, mười tuần chuyển hiện tướng bụng dần dần da cốt phân giải tạo các tướng sai khác, sinh bảy trăm gân, bảy ngàn mạch, tùy chỗ nên tướng mà dùng gió nhiễm có khác, cần tướng trắng thì gió trắng nhiễm, cho đến các gió khác cũng như vậy, gió thơm thổi cho nên an ổn đoan chánh, gió hôi thổi không an ổn thì xấu xí cong queo. Sau khi ra khỏi thai, ăn ngũ cốc thì sinh tám vạn vi trùng.

3. Từ "Vào rừng rậm tà kiến" xuống, một hàng là Kiến trược, năm kiến kết hợp càng thêm phát triển như rừng rậm dày đặc, "hoặc chấp có" là thường kiến, "chấp không" là đoạn kiến, nhân hai kiến đây mà sinh ra sáu mươi hai kiến chấp. Hoặc nói ngoại đạo chấp ngã có bốn câu: Sắc tức là ngã, ly sắc là ngã, sắc lớn ngã nhỏ ngã trụ trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ sắc trụ trong ngã. Bốn ấm kia cũng như vậy, thành hai mươi, nhân ba đời thành sáu mươi và hai cái căn bản tổng cộng là sáu mươi hai. Hoặc nói như trong kinh Đại Phẩm.

4. Từ "Chấp chặt pháp hư vọng" một hàng, tụng Phiền não trược, như văn.

5. Từ "Trong ngàn muôn ức kiếp" một hàng, tụng Kiếp trược, thời gian lâu dài không có Phật pháp tức là kiếp trược. Lại, bốn trược trên nhóm họp trong thời ấy, cho nên gọi Kiếp trược. "Người như thế khó độ "vì năm trược chướng ngại nên không tin nhất thừa, không thể độ. Quán giải thích: Niệm niệm ác giác, vĩnh viễn không có chánh quán tự giác, tức "không thấy Phật", tâm không có Bát chánh tức "không nghe pháp", tâm này "khó độ".

Phần ba: Từ "Cho nên Xá-lợi-phất" có một hàng, tức Quyền vì thuyết Tiểu thừa, như văn.

Phần bốn: Từ "Ta dầu nói Niết-bàn" có một hàng rưỡi, tức là cuối cùng khiến nhập Đại thừa, phá bỏ hết vọng của ba cõi. Diệt sắc chấp không thì chẳng phải chân diệt. Nếu thể đạt vô minh vốn là không, thì thường tịch diệt tức là chân diệt. Vốn không tuy tịch diệt, nhưng nếu không tu đạo thì không do đâu mà khế hợp cho nên nói: "Phật tử hành

đạo rồi, đời sau được thành Phật" .

Phần năm: Từ "Ta có sức phương tiện" có hai hàng, tụng trên nói không hư dối, trên nói "Các ông phải tin lời Phật dạy không hư vọng", khuyến tin trước rồi tụng sau. Không hư dối, nay tụng lại. Hai câu đầu trước nêu Đức Phật Thích-ca trước khai pháp ba thừa, hai câu tiếp nêu rõ chư Phật sau hiển thật tức xen lẫn hiện. Một hàng sau chính nêu ý "không hư vọng", trước Quyền sau Thật thành thật nói không hư dối, chớ sinh nghi ngờ.

Từ "Quá khứ vô số kiếp" trở xuống gồm hai mươi bảy hàng rưỡi, là phần hai tụng trên nói chương Phật quá khứ, văn chia làm hai:

1. Hai hàng đầu, tụng khai tam, như văn.

2. Từ "Các đức Thế Tôn đó" trở xuống, hai mươi lăm hàng rưỡi, tụng hiển nhất. Văn trên nói hiển thật, bao gồm có Tứ nhất.

Nay kệ đủ, trong văn tụng lại chia làm hai phần:

Phần một: Một hàng đầu tụng lược Tam nhất ở văn trên: "Đều nói pháp Nhất thừa" tụng Giáo nhất, "Độ vô lượng chúng sinh" là tụng Nhân nhất, "Khiến vào nơi Phật đạo" tức tụng Lý nhất, bao gồm cả Hạnh nhất.

Phần hai: từ "Lại các đại thánh chúa" trở xuống gồm hai mươi bốn hàng rưỡi, tụng rộng ngũ thừa hiển Nhất thừa. Văn này lại chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu, căn cứ chung năm thừa để hiển nhất. "Trời người loài quần sinh" là nêu các thừa để nói Nhân nhất, "Bèn dùng phương tiện khác" là nêu các hạnh để hiển Hạnh nhất gồm cả Giáo nhất. "Đệ nhất nghĩa" tức là Lý nhất. Từ "Phương tiện khác" trở xuống, là chánh nhân Phật tánh, tức đệ nhất nghĩa lý. Nếu dùng viên diệu chánh quán, thì đây tức là thật tướng phương tiện, không gọi là "khác". Nếu dùng bảy phương tiện quán, trợ hiển đệ nhất nghĩa, thì gọi là "phương tiện khác".

Từ "Nếu có loài chúng sinh" trở xuống, gồm hai mươi ba hàng, căn cứ riêng từng thừa của năm thừa để hiển bày chân thật. Văn chia làm ba phần: hai hàng khai Bồ-tát thừa, một hàng khai nhị thừa, hai mươi hàng khai thiên nhân thừa.

Hai hàng từ "Nếu có loài chúng sinh": khai Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo ngũ thừa, thì chỉ là lục độ Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo bảy phương tiện, thì gồm cả Thông Biệt Bồ-tát thừa. Vì sao tam giáo Đại thừa đều hành lục độ mà vận tâm có khác? Tướng tâm hành lục độ, tức Tam tạng Bồ-tát, vô tướng tức Thông giáo, phi tướng vô tướng thứ lớp hành lục độ tức Biệt giáo. Nay chỉ liệt nêu lục độ, nhưng chưa biết dự

định xét thuộc về giáo nào? Theo như văn trên nói: "lại dùng phương tiện khác" tức chẳng riêng lục độ Bồ-tát mà là phương tiện của tam giáo Bồ-tát tu. Xưa nghe pháp đều đã thành Giáo nhất, xưa hành lục độ đều đã thành Hạnh nhất, "những người như thế đó" đều đã thành Nhân nhất, "đều đã thành Phật đạo", đều đã thành Lý nhất.

Một hàng, từ "Sau khi Phật diệt độ, nếu người lòng thiện nhuyễn" là khai Thanh văn Duyên giác đều nhập Nhất thừa. Làm sao biết được? như trong Đại Phẩm tán thán A La-hán tâm điều hòa nhu nhuyến. Lại, kinh Tịnh Danh nói: "Trụ tâm điều phục là hạnh Hiền Thánh". Lấy đó biết họ . Xưa "tâm thiện nhuyễn" đều thành Hạnh nhất, "những người ấy" là Nhân nhất, "thành Phật đạo" là Lý nhất.

"Người cúng dường Xá lợi" trở xuống: khai nhân thiên thừa, không nêu rõ là nhân hay thiên thừa chỉ nêu tạo tượng xây tháp chuyên chú cho đến tán loạn, cho nên biết là nghiệp thiên nhơn. Địa sư giải thích rằng: "Đồng tử" là Đồng chân địa, không có tâm ham muốn nhị biên của nhị thừa và phàm phu. "Đắp cát sỏi làm tháp", cát sỏi tiêu biểu không dính mắc (vô trước), "tháp" là nơi các hạnh tích tụ đều cất chứa trong tâm chánh giác, Kia cho rằng nghĩa hợp với vô sinh bởi vì nghĩa sâu xa. Nay thì cho rằng trái nghĩa thẳng hẹp của văn. Làm sao Đăng địa tự ứng thành Phật? như Tu-la qua biển thì đâu đủ làm kỳ lạ? Nay lấy việc đồng tử giỡn nhóm cát thành tháp, mà người loạn tâm ca vịnh tán thán chỉ sự vi diệu, tức là chấp trước, như phàm phu qua biển thì không thể nghĩ bàn. Phật phân minh rộng hợp với ngũ thừa, chút ít thiện cũng không rơi sót, mà lại không thu góp ý rộng, chấp thẳng vô sinh? Nếu như hướng đến giải thích, thì e rằng không thâu nhiếp nhị thừa, huống là phàm phu ư! Cho rằng sâu thì chỉ là không mâu thuẩn nhau, xác định là rộng thì trái với kinh văn.

Hỏi: Hàng nhân thiên ít thiện lẽ ra trụ quả báo, tại sao đều nói đã thành Phật đạo?

Đáp: Đây nên nêu rõ ba nghĩa của Phật tánh. Đại kinh nói: Lại có Phật tánh, người thiện căn có, người xiển đề không có, tức là nhân thiên tiểu thiện cúi đầu, giơ tay. Góp từ ít ỏi thành nhiều, góp cây lên rừng, góp nước thành biển.

Xưa vì phương tiện chưa khai, cho là trụ nơi quả báo. Nay khai phương tiện hành, tức là duyên nhân Phật tánh năng hướng đến Bồ-đề, thành hiển nghĩa thật.

Căn cứ đây chia làm hai phần:

1. Mười chín hàng trước, nói thiên nhân tiểu thiện thành duyên

nhân chủng tử, để hiển Thật.

2. Một hàng sau, nói liễu nhân chủng tử để hiển Thật. Theo văn có thể hiểu.

- Mười chín hàng trước chia làm mười phần:

1. Ba hàng rưỡi: căn cứ việc xây tháp nêu Thiên thừa, nhân thời đến động tâm xả tài bảo, quả thì mặc sức tự nhiên thọ hưởng an vui (lạc), cho nên gọi Thiên thừa. "Gỗ mật" ở Trường An có cây tên là "mật", cũng có thể dùng làm tượng. Kinh Kim Quang Minh nói: Dùng Xá-lợi Phật như hạt cải hạt lúa, an trí trong tháp nhỏ, thì quả báo ở ba mươi ba tầng trời đã có tự nhiên, tức nghĩa kia vậy.

2. Từ "Cho đến đồng tử giỡn" có một hàng: đồng tử giỡn chơi đắp cát làm tháp tức là nghiệp nhân. Nhân thì mênh mông nhưng làm thiện, quả thì tác ý siêng cầu đắc lạc, cho nên gọi là nghiệp người (nhân nghiệp).

3. Từ "Nếu như người vì Phật" xuống bốn hàng, căn cứ sự chí tâm tạo tượng nêu nghiệp cõi trời. Kinh Ưu-bà-tắc Giới nói: "Không cho dùng keo, dùng thì phạm tội thất ý", mà kinh này dùng. Cổ sư nói: Ngoại quốc dùng nhựa cây. Ngài Quang Trạch nói: Hoặc có nơi dùng tượng, phải cho dùng keo bằng da trâu, nếu có vật khác thì không được dùng. Có người nói: Nhựa đậu nành có thể thay keo sạch, nhưng keo da trâu bò là vật không sạch, sau sẽ mắc quả báo bất tịnh. Đồng tiền bất tịnh (không sạch) không thể dùng đúc tượng, nên đổi lấy tiền như pháp thanh tịnh để đúc tượng. Lấy đất không dùng những thứ hôi hám, yếu đuối làm tượng. Giới Kinh không cho làm tượng nửa thân, phạm tội thất ý vì tướng thiện không sinh mà còn bị rơi vào đường sinh tử. Nhưng tạo tượng đều có sự tính toán. Nếu thờ ngay nơi nhà chính, thì nên tạo tượng ngồi, Phật nghỉ ngơi thì hoặc ngồi hoặc nằm. Phật hành động ắt phải đứng. Nhưng đệ tử thì trước tượng đứng, nơi tháp điện không được ngồi vì chỗ này quyết định thuộc của Phật. Nếu ở nhà bạch y có các tượng ngồi, thì không thể đứng trước tượng lâu, xin phép ngồi thì được, ở trước tượng đứng cũng không được ngồi v.v...

4. Từ "Cho đến đồng tử giỡn" xuống một hàng nêu nhân nghiệp.

5. Từ "Những hạng người như thế" một hàng rưỡi, kết thành hiển Thật, các người đều thành Nhân nhất. "Dần dần chứa công đức, đầy đủ tâm đại bi" tức thành Hạnh nhất. "Phật đạo" tức thành Lý nhất, "đã thành Phật" lại có thể là Tứ nhất. "Chỉ dạy các Bồ-tát" tức là Giáo nhất.

6. Từ "Nếu người nơi tháp miếu" ba hàng rưỡi là ước về các cúng dường của trần gian nêu rõ nghiệp trời. "Đồng bạt" ở Trường An gọi

Lộ-bàn là đồng bạt, nơi kia kinh phiên dịch cho nên dùng tên gọi ấy.

7. Từ "Nếu người tâm tán loạn " một hàng, nói tán tâm dùng các trần cúng dường, nêu nghiệp cõi người.

8. Từ "Hoặc có người lễ lạy" một hàng nói thân nghiệp cúng dường, nêu nghiệp nhơn thiên. Câu thứ nhất nói: "Lễ lạy", là ngũ thể (năm vóc) gieo xuống đất, là thượng lễ, tức nghiệp trời. "Chắp tay, cúi đầu" là trung lễ, tức nghiệp người.

9. Từ "Dùng đây cúng dường tượng" một hàng rưỡi, kết thành, chẳng những hiển Thật "tự thành Phật đạo", mà còn có thể khai Quyền "Niết-bàn như củi hết lửa tắt" vậy.

10. Từ "Nếu người tâm tán loạn" một hàng, nói về khẩu nghiệp, theo như trên đáng lẽ đầy đủ nghiệp nhân thiên, nhưng nay chỉ nêu nghiệp nhân.

Chữ "Nam-mô" có nhiều nghĩa. Hoặc nói độ ngã, độ ngã có thể thiết lập ở chúng sinh. Nếu Phật đáp lời chư Phật thì nghĩa độ ngã không tiện. Kinh Ngũ Giới gọi là "Kinh bố". Kinh bố chính có thể thiết lập ở Phật, vì sinh tử hiểm nạn thật đáng kinh sợ, dùng Đại cứu không được, nay đồng chư Phật dùng Tiểu để cứu. Sợ hãi có thể thiết lập ở Phật, cho nên văn nói "vui xưng Nam-mô Phật", vui là vui được đồ lễ cứu chúng sinh. Kinh Ngũ Giới lại nói là nghĩa "quy mạng" đều là cho chúng sinh. Điều-đạt trước lúc lâm chung mới xưng "Nam-mô" chưa kịp xưng "Phật" liền đoạ xuống địa ngục, Đức Phật thọ ký ông từ địa ngục ra sẽ làm Bích-chi-phật. Gọi chữ "Nam-mô" do có chuyện ngoại quốc xây tượng Trời dùng vàng làm đầu tượng; giặc đến trộm lấy mà không được, chúng xưng: "Nam-mô Phật" liền lấy được. Sáng ngày mọi người tụ lại bảo rằng: Tượng Trời bị mất đầu, tức không có trời đến giữ. Nếu giữ thì tại sao mất đầu. Trời bèn giáng xuống một người nói: "Lúc giặc đến lấy đầu thì xưng "Nam mô Phật", chư thiên đều kinh động thế nên chúng được thuận tiện, thế nên tượng bị mất đầu". Mọi người nói: "Trời không bằng Phật sao?" Đã không bằng thì nay sao không thờ Phật? Giặc xưng "Nam mô Phật" mà còn được đầu Phật, huống chi hiền nhân xưng "Nam mô Phật", mười phương tôn thần không dám chống trả, chỉ cần tinh tấn chớ nên biếng nhác. Kinh Na-Tiên Tỳ-kheo nói: Người sắp chết, xưng "Nam mô Phật" thì được thoát khỏi địa ngục. Tại sao? Như người cầm một cục đá bỏ xuống nước, thì đá chìm không gì nghi, nhưng nếu đem hàng trăm viên đá bỏ trên thuyền thì thuyền chắc không chìm. Nếu vậy thì người chết nhất định vào địa ngục thì như đá bỏ vào nước, nếu khi sắp chết mà xưng Nam-mô Phật thì nhờ Phật lực nên không vào

địa ngục, như nhờ sức thuyền nên đá không chìm...

Kinh Thai Kinh Báo Ân nói: Ở Đại hội lần thứ ba tại Hoa Lâm Viên, có chín mươi hai ức người là sao? Tức trong cuối đời giáo pháp đức Thích Tôn người nào niệm một câu Nam-mô Phật, thì người đó được gặp đức Phật Di-lặc.

Từ "Nơi các Phật quá khứ" một hàng, nêu rõ liễu nhân chủng tử. Nếu theo lệ thường như trên, thì tất cả cái hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, chí tâm, tán tâm... đều là chủng tử năm thừa. Nay đều khai nhập nhất thật v.v... "Chí tâm nghe một câu" là nghiệp cõi trời, "Tán tâm nghe một câu" là nghiệp cõi người...

Hỏi: Vì sao chỉ căn cứ Phật môn quá khứ rộng nêu năm thừa ?

Đáp: Chư Phật ba đời đều có khai Quyền, nhưng vì đời vị lai thì chưa sinh khởi, hiện tại thì mới hành, cho nên chứng minh nghĩa không đủ. Ở đời quá khứ thì khai Quyền đã lâu, nên người thọ hóa (nhận sự giáo hóa) đều thành tứ nhất, khắp cả mười phương dùng Quyền hiển Thật nên việc chứng nghĩa đủ mạnh. Liên lụy vì lời nói hư vọng, chi bằng chứng nghiệm là căn cứ vào sự thực. Cho nên, đời quá khứ Đức Phật đã rộng thuyết ngũ thừa.

Phần ba: Từ "Các Thế Tôn vị lai " xuống, sáu hàng rưỡi, tụng phần Phật vị lai nói trên. Văn chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, tụng khai tam.
2. Năm hàng, tụng hiển nhất.

Một hàng "Độ thoát các chúng sinh" là tụng Nhân nhất, một hàng "Các Phật vốn thệ nguyện" là tụng Hạnh nhất. Chư Phật hành đạo và muốn cho chúng sinh đắc đạo này, đâu chẳng phải Hạnh nhất ư? Từ "Chư Phật đời vị lai" xuống, hai hàng là tụng Giáo nhất."Biết pháp thường không tánh", là thật tướng thường trú không có tự tánh cho đến không có vô nhân tánh. Không có tánh cũng không có tánh. Đó gọi là "không tánh". "Phật chủng từ duyên khởi", là cái không của trung đạo, tánh tức là "Phật chủng". Nếu mê lý đây, do vô minh làm duyên thì có chúng sinh khởi, hiểu được lý đây, do giáo hạnh làm duyên thì có chánh giác khởi. Muốn khởi chủng tử Phật phải tu Nhất thừa giáo, đây tức tụng Giáo nhất. Lại "không tánh" tức chánh nhân Phật tánh, "Phật chủng từ duyên khởi" tức duyên liễu, do duyên phụ giúp liễu nhân, mà chánh nhân chủng tử sinh khởi. Một khởi tất cả khởi. Ba tánh như vậy gọi là nhất thừa. "Pháp ấy trụ pháp vị" một hàng, tụng Lý nhất. Chúng sinh chánh giác nhất như không hai, đều không ra ngoài như, đều như pháp mà gọi là "vị". "Tướng thế gian thường trụ". Chánh giác xuất thế

lấy như làm "vị", cũng dùng như làm "tướng". Vị, tướng đều thường trụ. Chúng sinh thế gian cũng lấy như làm vị, cũng lấy như làm tướng, đâu không thường trú ư? Tướng thế gian đã thường trụ, há chẳng phải Lý nhất? Lại, giải thích "thế gian" tức là ấm, giới, nhập, "thường trụ" tức chánh nhân. Nhưng chánh nhân đây không tức lục pháp, duyên liễu không rời lục pháp. Chánh nhân thường, nên duyên liễu cũng thường, vì thế nói "tướng thế gian thường tru". "Nơi đạo tràng biết rồi", đây là nêu quả giải thích thành khai quyền hiển thật. "Đạo tràng" sáng tỏ lý này thông suốt đã lâu, chỉ do vạn vật hữu tình chướng nặng nên phương tiện làm ra ba thừa v.v...

Phần bốn: Từ "Hiện tại mười phương Phật, Được trời người cúng dường" xuống, có bốn hàng rưỡi, tụng phần Phật hiện tại. Văn trên có bốn nay tụng có ba phần; không tụng kết sau. Một hàng rưỡi đầu, tụng ý vì hóa độ, chính vì an ổn chúng sinh. Tiếp từ "Biết đệ nhất tịch diệt" xuống một hàng, tụng hiển Thật bên trên. "Biết đệ nhất tịch diệt" tức tụng Lý nhất. "Kia thật là Phật thừa", hoặc tụng Giáo nhất, hoặc tụng Hạnh nhất. Sau từ "Biết các hạnh chúng sinh" xuống hai hàng, tụng khai Quyền như văn.

Phần kệ tụng thứ hai: Từ "Ta nay cũng như vậy" có bốn mươi ba hàng rưỡi, tụng phần Đức Phật Thích-ca. Văn trên không tán pháp hy hữu, trong tụng đầy đủ có sáu. Theo xưa giải thích chương Phật Thích- ca là điểm gốc xuất ra thí dụ, chỉ trên là gốc, dưới vừa nghĩa vừa văn. Theo sớ thì hoa mắt, nghe thuyết thì tâm loạn, người ngu độn đến nổi mê hoặc. Riêng người ghi chép thì trước là viết xếp đặt từ trước cho đến văn, tiếp theo nhau, sao cho thỏa đáng, thì gần như đã tự mình soi gương. Nhưng chương Thích-ca kệ này có hai ý: 1. Tụng ý trên. 2. Làm cơ sở văn dưới. Bậc thượng căn đã ngộ, trung căn chưa hiểu cho nên phải dẫn dụ trở lại thí dụ pháp nói trên, thí dụ không phải tự khởi xướng mà có nguyên do cho nên nói thí bản.

Theo xưa nói có năm loại thí dụ:

1. Thí dụ Trưởng giả.
2. Thí dụ suy nghĩ cách giúp.
3. Thí dụ quyền biến.
4. Thí dụ bình đẳng.
5. Thí dụ không gạt.

Nhưng ban đầu là Thí dụ chung không phải riêng Trưởng giả. Thí dụ suy nghĩ cách giúp, thì không được nghĩa cứu con trọn vẹn vì cũng còn một ít thấy lửa làm thí dụ cho nên không dùng. Sư Dao nói: Trong

Phẩm Phương Tiện từ câu: "Chư Phật tùy nghi thuyết pháp", đến hết văn trường hàng, chính là phần hiển nhất thừa chân thật, gồm có bốn chướng:

1. Khai Tứ tam (Lý, Giáo, Hành Nhân của ba thừa) thành Tứ nhất nay.

2. Do vì năm trược, cho nên không thể thuyết nhất thừa.

3. Từ "Nếu đệ tử ta tự cho là đắc" trở xuống, là nêu người không đắc.

4. Từ "Ông nên nhất tâm tin hiểu" trở xuống là nêu lời Phật không hư vọng. Tuy trước sau nói có khác, nhưng đều vì ý cầu đó đều thật. Trong thí dụ Nhà lửa bên dưới chỉ thí dụ ba chương trong phẩm Phương Tiện.

Từ "Thí như" trở xuống đến "xin thì ban cho", là thí dụ thứ nhất nói ngũ trược. Từ "đều ban cho các con đồng một xe lớn" cho đến: "được điều chưa từng có", là thí dụ thứ hai nói pháp chân thật. Từ "trưởng giả đồng ban cho các con" cho đến "đâu có hư dối", là thí dụ thứ ba về Phật nói không dối gạt. Sư Huyền Sướng nói: Có sáu thí dụ:

1. Các tướng lửa tai họa trong nhà.

2. Người hiểu chỉ có Phật khởi niệm nhất thừa.

3. Chúng sinh không thọ, vì họ mà nói các việc sợ hãi.

4. Thuyết sự an vui của tam thừa.

5. Trở lại thuyết nhất thừa giáo.

6. Tổng kết không hư vọng.

- Sư Long nói sáu thí:

1. Cha con trong một nhà ví như Phật là vua ba cõi hóa độ chúng sinh.

2. Trưởng giả thấy lửa ví như trong kệ nói: "Ta dùng Phật nhãn thấy, chúng sinh trong sáu đường.

3. Trưởng giả cứu lửa ví như Phật trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ muốn độ chúng sinh, không được dùng Đại.

4. Trưởng giả phương tiện dẫn dụ dùng ba xe ví như Phật lập tam thừa giáo.

5. Trưởng giả ban cho một xe lớn, ví như Phật thuyết Diệu Pháp Liên Hoa.

6. Ví như Phật nói không hư vọng.

- Thí dụ nhà lửa gồm mười nghĩa:

1. "Nay ta cũng như vậy" hai hàng tổng tụng Quyền Thật trên, làm căn bản cho tổng thí dụ bên dưới.

2. "Xá-lợi-phất nên biết" bốn hàng, tụng năm trước trên, làm cơ sở cho thí dụ thấy lửa cháy bên dưới.

3. "Ta xưa ngồi đạo tràng" sáu hàng rưỡi, nêu dùng Đại thừa hóa độ không được, làm cơ sở cho thí dụ "cứu con không được" bên dưới.

4. "Liền nhớ Phật quá khứ" xuống mười một hàng, nêu dùng tam thừa hóa độ được, làm cơ sở cho thí dụ "cứu con thoát được" bên dưới.

5. "Ta thấy các Phật tử" xuống một hàng, nêu căn cơ Đại thừa phát khởi, làm cơ sở cho thí dụ "thấy con thoát nạn" bên dưới.

6. "Đều đem tâm cung kính" một hàng nêu rõ hàng tam thừa đòi quả, làm cơ sở cho thí dụ "các con đòi xe" bên dưới.

7. "Ta liền nghĩ thế này" xuống mười hai hàng và một câu nêu Như Lai hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ Trưởng giả hoan hỷ bên dưới.

8. "Ở trong hàng Bồ-tát" xuống ba câu, nêu vì thuyết Đại thừa, làm cơ sở cho thí dụ cùng ban cho xe lớn bên dưới.

9. "Bồ-tát nghe pháp ấy" một hàng, nêu chúng sinh hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ "các con được xe vui mừng" bên dưới.

10. "Các ông chớ có nghi" một hàng rưỡi, nêu Đức Phật không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ "trưởng giả không dối con" bên dưới.

- Có người bình luận: Nếu dùng câu phán xét thì nên có mười chín câu. Nếu dùng nghĩa phân rõ thì có sáu nghĩa:

1. Tổng.
2. Thấy lửa.
3. Nhất thừa hóa độ không được.
4. Tam thừa hóa độ được.
5. Trở lại thuyết nhất thừa.
6. Không hư dối.

Ngoài ra đều thu nhiếp trong sáu nghĩa. Lại, mười thí dụ thì pháp và thí có sai khác, trong nói pháp thì cầu xin xe trước cha hoan hỷ sau, còn trong nói thí dụ thì cha hoan hỷ trước cầu xin xe sau, tuy muốn hợp thông mà cuối cùng thành vòng vo. Lại, Đại Tiểu trái nhau. Nói pháp thì thấy căn Đại thừa chuyển nên vui, nói thí dụ thấy duyên tiểu khỏi nạn nên vui. Nói pháp thì nêu nhân Đại, nói thí dụ thì giới thiệu tiểu quả. Nói pháp thì các chướng Đại sẽ nghiêng đổ, nói thí dụ thì tiểu nạn đã lìa. Các nghĩa đều trái ngược. Lại, như có và không cũng khác: trong nói pháp thì hàng thượng căn dễ ngộ cho nên không có đòi xe, trong nói thí dụ thì hàng trung căn còn mê hoặc cho nên còn đòi xe. Nếu dẫn cung kính vì đòi xe thì khác xa, không thể hiện ý văn. Nay không có bốn lỗi này. Nhưng có hay không, thì văn trường hàng cũng có năm điều sau:

1. Khai tam.
2. Hiển nhất.
3. Ngũ trược.
4. Chân nguỵ.
5. Bất hư.

Văn kệ cũng có năm, nhưng văn trường hàng có Chân nguỵ còn văn kệ thì không có. Văn kệ có tán pháp, Trường hàng thì không có, tức đắp đổi nêu ra.

Thứ lớp: Văn trường hàng thì trước khai tam sau hiển nhất, kệ thì trước hiển nhất sau khai tam. Khai hợp, là khai tam hiển nhất, là cơ sở chung cho thí dụ phần sau, hai kệ hợp mà không khai. Tiếp, văn nói lìa ngũ trược làm cơ sở cho bốn thí dụ Khai mà không hợp. Văn nói: Không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ không hư vọng, không hợp không khai, là nêu thủ xả. Bốn đoạn kinh văn làm căn bản cho sáu thí dụ, thủ mà không xả; chương tán pháp nhất chẳng phải sáu thí dụ cho nên xả mà không thủ. Xét về tổng biệt, ban đầu khai tam hiển nhất, tổng trình bày đức Thích-ca dùng Nhất thừa giáo môn hóa độ. Từ phần Ngũ trược trở đi, là thuộc về thí dụ riêng (biệt thí).

Tiếp, bản tích: Tổng trình bày giáo pháp của Phật, tổng bao hàm bản tích. Từ phần Ngũ trược trở đi, là nêu riêng bản tích. Một chương ngũ trược, chính nêu ở nơi gốc Pháp thân mà thấy chúng sinh khổ nên khởi tâm đại bi. Từ "Nhất thừa hóa độ chúng sinh không được" là thùy tích... Nay cho rằng đại ý của tích môn chính là khai tam hiển nhất. Trước hết thẳng nói pháp hàng thượng căn liền lãnh ngộ, hàng trung căn hạ căn chưa ngộ nên lập thí dụ, thí dụ ở ba Nhất, khiến được sớm hiểu. Trước trong nói pháp đã lược rộng khai tam hiển nhất, sau đến nói thí dụ cũng nên lược rộng hứa ba ban cho một. Trong nhân duyên, cũng nên dẫn ba nhập một. Nếu lập ba thí, sáu thí, mười thí, thì đối với văn nói ba vòng không hợp, đối với bốn người tín giải thì trái lìa, do đó nên không dùng.

Nay nêu tụng trong chương Thích-ca, chia làm hai phần lớn:

1. Từ "Ta nay cũng như vậy" xuống hai hàng kệ, lược tụng Quyền Thật bên trên, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. Từ "Ta dùng Phật nhãn xem" xuống có bốn mươi mốt hàng rưỡi kệ, rộng tụng sáu nghĩa trên, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

Xét phần lớn thứ nhất, lược tụng tức có sáu ý; được làm căn bản cho sáu nghĩa của Tổng thí. Kệ nói: "Ta nay cũng như vậy", "ta" tức đức Thích-ca là một Hóa chủ, làm căn bản cho thí dụ "Đại trưởng giả"

bên dưới. "An ổn" tức trụ xứ thường lạc đại Niết-bàn, nơi đó tịch tĩnh không có ngũ trược chướng nên gọi là "an ổn". An ổn tức đối lại bất an ổn. Bất an ổn tức ba cõi sinh tử, là chổ hành hóa. Có ngũ trược chướng, gọi là bất an ổn, tức làm căn bản cho thí dụ "Nhà lửa" bên dưới. "Chúng sinh" tức số đông người thọ hóa trong năm đường, làm căn bản cho thí dụ Năm trăm người bên dưới. Lại, "an ổn" tức là pháp an ổn, đối lại pháp bất an ổn. Pháp bất an ổn tức pháp ngũ trược, làm căn bản cho thí dụ "Lửa cháy" bên dưới, "Các loại pháp môn" tức đối lại "không có các loại pháp môn", làm căn bản cho thí dụ "Chỉ có một cửa" bên dưới. "Biết tánh dục chúng sinh", tức vì căn tánh chúng sinh trong năm đường nên có tam thừa sai biệt, làm căn bản cho thí dụ "Ba mươi người con" bên dưới. Hướng về trên tức là lược tụng, hướng dưới tức làm nền tảng cho Tổng thí dụ. Trên dưới nương nhau văn nghĩa đầy đủ, trong thí dụ lại còn dẫn trên chứng minh dưới...

Từ rộng tụng trong sáu nghĩa trên chia văn làm bốn phần: làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

1. Từ "Ta dùng Phật nhãn xem, thấy" xuống bốn hàng, là tụng mở rộng năm trược trên, làm căn bản cho thí dụ "Thấy lửa" bên dưới.

2. Từ "Xưa, ta ngồi đạo tràng" xuống mười bảy hàng rưỡi, là rộng tụng phần "Ở nơi một mà khai làm ba" bên trên làm căn bản cho thí dụ "Đình Đại thừa lại, thi hành Tiểu thừa " bên dưới.

3. Từ "Ta thấy các Phật tử" trở xuống, sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, làm căn bản cho thí dụ "Đồng ban cho xe lớn" bên dưới .

4. Từ "Như chư Phật ba đời" xuống năm hàng rưỡi, rộng tụng phần "Khen pháp hy hữu" bên trên. Tiếp có hai hàng rưỡi, chính tụng "nói không hư vọng" bên trên. Tiếp có sáu hàng tụng "đôn đốc tin" bên trên. Ba ý này hợp làm cơ sở cho thí dụ "Trưởng giả không nói dối gạt" bên dưới, mà phần chính ở hai hàng rưỡi kệ tụng "Nói không hư vọng", làm cơ sở cho thí dụ dưới. Đại khái như vậy, chi tiết thì lại mở rộng ra.

Như trong phần đầu tụng Ngũ trược có ba ý:

1. Nửa hàng và một chữ, nêu Phật nhãn quán kiến, làm căn bản cho thí dụ "Trưởng giả có thể thấy" bên dưới.

2. Từ "Chúng sinh sáu đường" xuống, gồm hai hàng ba câu bốn chữ, nêu thấy năm trược, làm căn bản cho thí dụ "Thấy lửa" bên dưới.

3. Từ "Phật vì chúng sinh này" xuống, gồm nửa hàng, nêu Phật khởi đại bi tâm, làm căn bản cho thí dụ "Trưởng giả sợ cho các con nên vào nhà lửa" bên dưới.

Phần hai: từ "Xưa, ta ngồi đạo tràng" xuống, mười bảy hàng rưỡi:

tụng khai tam lại khai hai ý: Thứ nhất gồm sáu hàng rưỡi tụng: Phật suy nghĩ dùng Đại thừa hóa độ không được, làm căn bản cho thí dụ: "Trưởng giả không dùng sức lực chân tay cứu con ra khỏi nhà lửa" bên dưới. Thứ hai từ "Liền nhớ Phật quá khứ" xuống mười một hàng, tụng suy nghĩ giống chư Phật dùng tam thừa hóa độ, làm căn bản cho thí dụ "Thiết lập ba xe để các con vui Thích-cái "Nhỏ" mà ra" bên dưới.

- Phần ba: sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, lại khai bốn ý:

1. "Xá- lợi-phất nên biết, ta thấy các Phật tử" xuống hai hàng nêu Đại thừa cơ động, làm căn bản cho thí dụ "Đòi xe" bên dưới.

2. Từ "Ta liền nghĩ thế này" xuống hai hàng một câu nêu Phật hoan hỷ, làm căn bản cho thí dụ "Thấy con khỏi nạn" bên dưới.

3. Từ "Ở trong hàng Bồ-tát" xuống ba câu, chính hiển thật, làm căn bản cho thí dụ "Đồng ban một thứ xe lớn" bên dưới.

4. Từ "Bồ-tát nghe pháp đó" xuống một hàng nêu thọ hành ngộ nhập, làm căn bản cho thí dụ "Các con được một thứ xe lớn vui mừng" bên dưới. Tụng trên "Nói không hư vọng" chỉ làm căn bản cho thí dụ" Trưởng giả không dối gạt" bên dưới, không luận chia ra.

- Lại nữa, nhất thời Đại khai làm ba thí dụ:

1. "Nay ta cũng như vậy" hai hàng, hợp mà chẳng ly, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. "Ta dùng Phật nhãn thấy" xuống, thì ly mà không hợp, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

3. Phật nói không hư vọng, thì bất ly bất hợp, làm căn bản cho thí dụ ông Trưởng giả không dối gạt. Nếu nương bên trên làm căn bản cho bên dưới, hai thứ lược tụng rộng tụng, thì thông cả ba vòng và trong Tín giải, văn cùng nghĩa thảy đều không thiếu sót. Nếu căn cứ phần tụng rộng, lại chia bốn ý tụng bốn nghĩa bên trên làm cơ sở cho bốn thí dụ dưới, thì đây cũng thông ba vòng và trong Tín giải, văn nghĩa không thiếu. Nếu chia nhỏ tụng Năm trược làm ba, chia tụng Phương tiện làm hai, chia tụng Hiển thật làm bốn, tụng Bất hư chỉ có một, hợp thành mười ý, làm căn bản cho mười thí dụ bên dưới. Mười ý này chỉ ở hai vòng Pháp và Thí, trong Tín giải và Nhân duyên văn kia thì thiếu, cho nên chia làm ba tiết khai chương nương trên làm căn bản cho dưới, không phải làm tản mạn.

Trong phần lược tụng thì một hàng đầu tụng Hiển thật bên trên, một hàng sau tụng Khai quyền bên trên, văn đây tuy chỉ hai hàng mà tụng đủ tứ nhất. "Ta nay cũng như vậy", tức như chư Phật đồng dùng nhất thật giáo hóa chúng sinh, đây là tổng tụng Hiển thật.

"An ổn": Niết-bàn bí tạng là nơi an ổn, đức Phật tự trú trong đó, cũng an trí chúng sinh vào tạng bí mật đó. Nơi "an ổn" tức tụng Lý nhất, "chúng sinh" tức tụng Nhân nhất, "chủng chủng pháp môn nhập Phật đạo" tức tụng Hạnh nhất, "chỉ bày tuyên thuyết" tức Giáo nhất. "Sức trí tuệ" tức sức Quyền trí. "Biết tánh dục chúng sinh" tức soi thấy căn cơ Tiểu thừa. "Phương tiện nói các pháp" là chính thi thiết quyền. "Đều khiến được hoan hỷ" là tùy nghi xứng hợp căn cơ. Hai hàng kệ tuy tóm lược nhưng thu gọn ý Phật giáo hóa Nhất thừa, khai quyền hiển thật vốn từ đầu đến cuối trọn vẹn bất tận, cho nên nói lược tụng mà làm cơ sở cho Tổng thí dụ phần sau.

Phần lớn thứ hai: Từ "Ta dùng Phật nhãn xem thấy" xuống bốn mươi mốt hàng rưỡi, rộng tụng sáu nghĩa trên. Xưa lấy bảy hàng cuối cùng làm pháp thuyết lưu thông, nay không dùng mà dùng làm tụng tán pháp đốc thúc tin theo. Chia làm sáu phần:

1. Bốn hàng, tụng năm trược trên, khai tam.
2. Mười bảy hàng rưỡi, tụng thiết lập phương tiện hóa độ.
3. Sáu hàng, tụng hiển thật trên.
4. Năm hàng rưỡi, tụng tán pháp hy hữu trên, tuy chương Thích-ca không có, chỉ có trong chương chư Phật.
5. Có hai hàng rưỡi, tụng "nói không hư vọng" trên.
6. Sáu hàng, tụng đôn thúc tin trên.

Phần một: Bốn hàng tụng năm trược, văn trên có bốn thứ: Xướng số, liệt danh, xuất thể, tổng kết giải thích. Nay chỉ tụng có ba thứ: số, danh, thể. Trên nói vì năm trược cho nên thuyết ba, nay nói vì năm trược cho nên xuất thế, xuất thế lẽ ra phải thuyết về Đại thừa, nhưng vì chướng ngại không thâu hoạch được, cho nên trước hết phải thuyết Tiểu. Đây lại chia làm ba:

1. Mười một chữ đầu, nêu Phật có Phật nhãn có thể thấy rõ tất cả.
2. Từ "sáu đường" xuống hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ năm trược.
3. "Phật vì chúng sinh ấy"... xuống nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm ứng phó.

- Mười một chữ đầu, "Ta dùng Phật nhãn xem thấy" tức văn dưới nói "trưởng giả đứng ở ngoài cửa"; nêu dưới chứng minh trên, biết Phật ở địa vị pháp thân dùng Phật nhãn thường tịch soi thấy trọn vẹn căn cơ chúng sinh. Nếu người có căn lợi trược nhẹ, thì dùng tượng Lô-xá-na thuyết pháp nhất thừa. Nếu căn độn trược nặng, thì cởi chuỗi anh lạc, dùng hình tượng lão Tỳ-kheo, kinh sợ cho chúng sinh mà vào nhà lửa,

phương tiện khai tam. Chỉ đối với thời quán sát căn cơ cho nên nói: "Ta dùng Phật nhãn xem thấy". Nếu quán sắc pháp thì nên dùng thiên nhãn, nếu phân biệt căn cơ thì nên dùng pháp nhãn, vì sao lại nói dùng Phật nhãn thấy ư? Vì Phật nhãn viên thông khắp cả thắng và liệt, và bốn nhãn kia nhập Phật nhãn, đều gọi là Phật nhãn...

- "Sáu đường chúng sinh" xuống, hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ ngũ trược. "Nghèo cùng không phước tuệ" nửa hàng, tụng Chúng sinh trược. "Vào đường hiểm sinh tử, khổ liên tục không dứt" đây là tụng Mạng trược. "Tham đắm nơi ngũ dục" một hàng, tụng Phiền não trược. "Không cầu Phật thế lớn và pháp dứt sự khổ" đây tụng Kiếp trược. "Sâu vào các tà kiến, lấy khổ muốn bỏ khổ" đây tụng Kiến trược. Hoặc nói năm nhiệt đốt cháy thân, muốn bỏ khổ trở lại mắc khổ báo. Hoặc nói các kiến tức là thọ, thọ tức là khổ, hành nhân khổ này mà mong muốn xả khổ, há có thể được ư? Kinh Phổ Diệu nói: "Nguyên do có năm đường: giữ năm giới làm người, mười thiện sinh thiên, xan tham đoạ ngạ quỉ, sân giận đoạ vào súc sinh, mười điều ác đoạ địa ngục. Không có năm thú, năm ấm, sáu suy thì đó là Nê-hoàn (Niết-bàn). Không ở sinh tử không trú Niết-bàn, thì quyết định thọ Bồ-đề". Luận Tỳ-Đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: Người mới sinh trong địa ngục nghĩ rằng: Ta xưa nghe Sa-môn thuyết tham dục là nơi địa ngục ác đáng sợ, ta xưa không đoạn tham dục nên nay thọ sự khổ não vô cùng, đây nêu tham dục là nhân của địa ngục. Lại nói trong năm đường, mỗi đường đều có pháp tự nhiên, địa ngục sắc đoạn thì lập tức tiếp thân súc sinh, có thể bay lên hư không, ngạ quỉ khi dùng đoàn thực thì có thể đến trong loài người, trong loài người thì có niệm lực phạm hạnh khoẻ mạnh (dũng kiện). "Dũng kiện"là không thấy quả mà năng rộng tu nhân. "Niệm lực" là việc làm lâu xa mà có thể nhớ."Phạm hạnh" là người được phần giải thoát thông đạt, được chánh quyết định; trong cõi trời thì đươc tự nhiên tùy ý cần gì đều được. Trong địa ngục, thành tựu Tha hóa tự tại thiên phiền não nghiệp cho đến thiện, mà không hành hiện tiền. Tha hóa tự tại thiên thành tựu địa ngục phiền não nghiệp đến bất thiện, mà không hiện tiền hành. Nêu trên nêu dưới, thì trung gian có thể biết. Trung hoa dịch là "Địa ngục", tiếng Phạn là Nê-lê. Đời Tần gọi là "Vô hữu", nghĩa là ở cõi đó không có hỷ lạc, không có mùi vị, không có sự vui mừng ích lợi, cho nên nói "vô hữu". Hoặc nói "thấp hèn", hoặc nói "đoạ lạc", trung ấm đảo ngược vì các căn đều hủy hoại. Hoặc nói là "không", tức hoàn toàn không có buông tha, ngục tốt biến hóa khiến thấy chẳng phải số chúng sinh. Ban đầu đem người tội bị trói đến chỗ

Diêm vương, là số chúng sinh. Nếu thọ khổ, thì chẳng phải số chúng sinh. Hiểu như vậy, thì ban đầu đều là chánh ngữ. Nếu thọ sự thống khổ thì không còn có thể phân biệt âm thanh súc sinh, ấy là hình bàng hành bàng, cho nên gọi là súc sinh. Lại, súc sinh gọi là "khắp có"(biến hữu), khắp có trong năm đường, cõi trời Tứ thiên, Tam thập tam thiên đều có, mà trên trời cỡi voi ngựa... là do phước nghiệp hóa tác, chẳng phải chúng sinh số. Lại, súc sinh gọi là manh minh. Manh minh là nhiều vô minh, nên gọi là súc sinh. Thời kiếp sơ, chúng đều hiểu Thánh ngữ, sau ăn uống đổi khác, tâm dối nịnh mà lời nói đều trái ngược, hoặc không có thể nói. "Quỷ", tiếng Phạn gọi là Xà-lỵ-đa, đời Tần gọi là Tổ phụ, chúng sinh ban đầu sinh ở đường ấy gọi là tổ phụ, sau sinh cũng gọi là tổ phụ. Lại, do xan tham nên đoạ vào đường ấy, đường ấy phần nhiều đói khát cho nên gọi là ngạ quỉ, cũng bị chư thiên sai khiến, cũng mong chờ sự ăn uống cho nên gọi ngạ quỉ. "Nhân": Tiếng Phạn gọi Ma-nô-xà, Trung hoa dịch là "Ý", xưa Đỉnh Sinh Vương ban đầu dạy cho người có các hành động, phải khéo tư duy, khéo trù tính, khéo nhớ nghĩ tức như vua dạy bảo, trước tư duy so sánh nhớ nghĩ cho nên gọi nhân là ý. Lại, nhân (người) có thể dứt ý, năng tu đạo, được thông suốt từng phần. Lại, nói nhân gọi là "mạn", trong năm đường nhiều mạn nên gọi là nhân thú. "A-tu-la": Tu-la gọi là thiên, A gọi là phi, phi thiên cho nên gọi là A-tu-la. Lại, Tu-la gọi là đoan chánh, kia không đoan chánh, nên gọi A-tu-la. Tu-la gọi là tửu, A gọi là vô, kia vô tửu (không uống rượu) cho nên gọi A-tu-la. "Thiên": là thiên nhiên tự nhiên thắng. Lạc thắng, thân thắng, cho nên thiên gọi là thắng. Các việc đều thắng hơn các đường khác, thường dùng ánh sáng tự chiếu soi, cho nên gọi là thiên. Lại, thiên là thiên nhiên tự nhiên. Kinh A-hàm nói: Chúng sinh là giả danh, giới là pháp, năm đường chúng sinh cùng pháp giới hòa hợp. Nếu khi chúng sinh tâm hành bất thiện thì cùng cõi bất thiện đồng, khi tâm hành thiện thì cùng cõi thiện đồng, tâm hành thắng thì cùng cõi thắng đồng, tâm hành hèn mọn đáng khinh bỉ thì cùng cõi đáng khinh bỉ ấy đồng. Vì vậy, Tỳ-kheo thường học và làm các việc thiện sinh vào cõi thiện. Trước là dùng Nhân duyên giải thích sáu đường, sau như Quán tâm giải thích sáu đường v.v...

Từ "Phật vì chúng sinh ấy" xuống, nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm. "Mà khởi tâm đại bi", trên nêu năng kiến, tiếp nêu sở kiến, nay nêu đại bi huân tâm ứng nhập tam giới, thi thiết phương tiện dẫn dắt chúng sinh nhập Phật tuệ.